



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

TRỊNH TRUNG LƯƠNG

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ
QUẢN LÝ KINH TẾ**

Mã số: 834 04 10

Đà Nẵng - Năm 2021

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn KH: PGS.TS. Bùi Quang Bình

Phản biện 1: TS. LÊ DÂN

Phản biện 2: GS.TS. NGUYỄN VĂN SONG

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý kinh tế họp tại trường Đại học kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 27 tháng 3 năm 2021.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của WTO (Tổ chức thương mại thế giới) và tham gia nhiều tổ chức trong khu vực và thế giới; việc cạnh tranh giữa các quốc gia về thương mại, kinh tế và nguồn nhân lực là một xu thế tất yếu. Theo đó, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ lao động có trình độ cao, có kiến thức, kỹ năng nghề, làm chủ máy móc, công nghệ hiện đại là những nhân tố quyết định sự thành công của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Từ thực trạng trên cũng như những kiến thức lý luận được đào tạo và kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình công tác tại Sở Nội vụ tỉnh Gia Lai, với mong muốn nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương và tối ưu việc sử dụng đội ngũ cán bộ giảng dạy, cơ sở vật chất tại các cơ sở đào tạo nghề một cách hiệu quả thì việc quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo nghề ở tỉnh Gia Lai đang là một thực tiễn cần được đầu tư nghiên cứu thực trạng, đóng góp những đề xuất, giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo nghề cho địa phương. Chính vì vậy, học viên lựa chọn đề tài “*Quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai*” làm luận văn cao học chuyên ngành Quản lý kinh tế của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1 Mục tiêu tổng quát

Từ phân tích thực tiễn tại đề tài quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Để thực hiện được mục tiêu trên, mục tiêu cụ thể đặt ra là:

- Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản về quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo nghề.

- Phân tích thực trạng quản lý hệ thống các cơ sở đào tạo nghề cho lao động tỉnh Gia Lai để đánh giá những thành công, cũng như hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quản lý, phát triển các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh Gia Lai trong thời gian từ nay đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề về chất lượng đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai, các hoạt động đào tạo và chất lượng đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Phạm vi nghiên cứu trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Thời gian: từ năm 2015 đến năm 2020. Nội dung: luận văn chỉ nghiên cứu hoạt động quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để có được những thông tin dữ liệu cần thiết để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu Quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu Phương pháp thu thập số liệu, phân tích, so sánh và một số phương pháp nghiên cứu khác.

5. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

6. Kết cấu dự kiến của luận văn

Luận văn được kết ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo gồm có 3 chương, cụ thể như sau:

Chương 1: Vấn đề lý luận cơ bản về Quản lý nhà nước các cơ

sở đào tạo nghề

Chương 2: Thực trạng Quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Chương 3: Giải pháp Quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CHƯƠNG 1

VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ

1.1.1 Khái niệm về nghề, đào tạo nghề.

- Nghề: Là một hình thức phân công lao động, nó đòi hỏi kiến thức lý thuyết tổng hợp và thói quen thực hành để hoàn thành những công việc nhất định như nghề mộc, nghề cơ khí....

- Đào tạo nghề (dạy nghề) là hoạt động dạy và học tại nơi làm việc, các cơ sở dạy nghề, trung tâm đào tạo, các lớp học không chính quy nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cần thiết cho người học nghề để có thể tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi hoàn thành khoá học.

1.1.2. Khái niệm quản lý nhà nước về cơ sở đào tạo nghề

Quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề là một khâu trong quản lý nhà nước về dạy nghề. QLNN trong lĩnh vực dạy nghề nói chung và cơ sở đào tạo nghề nhằm đề ra quy hoạch, kế hoạch tổng thể, đáp ứng những cân đối lớn của toàn bộ nền kinh tế, tránh hiện tượng đầu tư dàn trải, không hiệu quả; đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển dạy nghề. QLNN nghề nhằm hạn chế tiêu cực, tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh trong lĩnh vực

dạy nghề.

1.1.3. Ý nghĩa của quản lý nhà nước về cơ sở đào tạo nghề

- Cơ sở dạy nghề có vị trí và vai trò quan trọng vì nó là cơ sở đào tạo trực tiếp nguồn nhân lực cho xã hội;

- Cơ sở đào tạo nghề đào tạo lực lượng lao động có trí tuệ, kỹ năng, trình độ chuyên môn, ý thức nghề nghiệp cao trực tiếp tham gia vào quá trình CNH, HĐH địa phương và quốc gia.

- Cơ sở đào tạo nghề trong quá trình công nghiệp hóa là tạo điều kiện nâng cao nhận thức của người lao động và toàn xã hội về học nghề, để có cơ hội việc làm hoặc tự tạo việc làm, có thu nhập vượt lên thoát nghèo và tự giải quyết các vấn đề cá nhân cũng như xã hội.

- Cơ sở đào tạo nghề đối với xã hội góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế đặc biệt là các đại phương thuần nông.

- Cơ sở đào tạo nghề đào tạo lực lượng lao động tạo cơ hội cho người dân thực hành nhiều hơn đối với nghề lựa chọn theo học.

- Cơ sở đào tạo nghề đối góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, xã hội và đời sống tinh thần của người dân, nhất là khu vực nông thôn.

1.2. NỘI DUNG CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ

1.2.1. Ban hành và thực thi một hệ thống các văn bản pháp luật quy định về cơ sở đào tạo nghề

Kể từ khi tái lập Tổng cục Dạy nghề đến hết năm 2006, nhiều văn bản quy phạm pháp luật về dạy nghề đã được xây dựng, bổ sung, sửa đổi, ban hành. Các văn bản này đã tạo nên hành lang pháp lý phát triển đào tạo nghề trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất

nước. Cùng với đó, Luật Giáo dục được ban hành năm 2005 và Chính phủ ban hành Nghị định số 02/2001/NĐ-CP ngày 09/01/2001 quy định chi tiết thi hành Bộ luật lao động và Luật Giáo dục về dạy nghề; tiếp đó là Nghị định số 139/2006/NĐ-CP ngày 20/11/2006 hướng dẫn thực hiện Luật giáo dục và Bộ luật Lao động về dạy nghề thay thế Nghị định số 02/2001/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, hệ thống chính sách đào tạo nghề đã được hình thành tương đối đồng bộ. Các pháp luật và chính sách về đào tạo nghề ngày càng được hoàn thiện.

Các sở, ngành, các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, tham mưu điều chỉnh, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật bắt cập so với thực tiễn; đồng thời xây dựng văn bản triển khai hướng dẫn thực hiện. Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tổ chức cung ứng dịch vụ trên địa bàn và trong các đơn vị dạy nghề. Bên cạnh đó, trong quản lý các cơ sở đào tạo nghề cần xây dựng Quy hoạch phát triển mạng lưới trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trung tâm dạy nghề trên địa bàn địa phương.

Theo đó chính sách, cơ chế có vai trò rất quan trọng không chỉ trong lĩnh vực cơ sở đào tạo nghề mà còn trong các lĩnh vực khác. Chính quyền địa phương cần ban hành và thực hiện các chính sách tốt và thực tiễn về hỗ trợ các cơ sở đào tạo nghề, chính sách hỗ trợ đất đai, hỗ trợ chi phí xây dựng, hỗ trợ chi phí tham gia các khóa hội thảo... các chính sách thu hút đầu tư xã hội hóa vào các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương.

Việc đánh giá cần phải dựa trên các tiêu chí:

- Số lượng văn bản ban hành (văn bản)
- Số lần tuyên truyền phổ biến cho cơ sở (lần)
- Thời gian các cơ sở nhận được văn bản (ngày)
- Tỷ lệ người biết về văn bản (%)

1.2.2. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề

Bộ máy quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề gồm các cơ sở đào tạo thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đến các cơ sở đào tạo nghề tại cơ quan, đơn vị, địa phương (tỉnh, huyện, xã). Đồng thời, Nhà nước tiến hành phân cấp quản lý từ Trung ương đến địa phương. Hiện nay, Nhà nước đang hoàn thiện hơn nữa cơ chế quản lý, nhằm quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo nghề ngày càng đạt chất lượng và hiệu quả hơn.

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề cần thực hiện một số nội dung sau:

- Rà soát, sắp xếp lại các cơ sở đào tạo nghề từ trung ương đến địa phương hợp lý, xem xét việc lựa chọn sát nhập những đơn vị không cần thiết, hoạt động thiếu hiệu quả nhằm tinh gọn lại bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động.

- Xây dựng các tiêu chí cụ thể đối với từng loại đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đảm bảo ổn định, chấm dứt tình trạng xác nhập, chia tách nhiều dẫn đến thiếu hiệu quả trong công tác quản lý.

- Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh, tránh chồng chéo tạo lỗ hổng trong quản lý.

Tiêu chí phản ánh

- Mức độ hợp lý của Tổ chức bộ máy QLNN các cơ sở đào tạo nghề
- Mức độ hợp lý về phân cấp, phân công trách nhiệm giữa các cơ quan QLNN về cơ sở đào tạo nghề
- Mức độ đảm bảo về Chất lượng đội ngũ cán bộ QLNN tại các cơ sở đào tạo nghề phù hợp

1.2.3. Quy hoạch và quản lý quy hoạch đào tạo nghề

Quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo nghề có thể gọi là quy hoạch phát triển mạng lưới các trường cao đẳng, trung cấp và trung tâm đào tạo nghề nhằm mục đích tổ chức hiệu quả việc đào tạo nghề cho lao động để trực tiếp tham gia vào các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đáp ứng nhu cầu của thị trường. Quy hoạch cơ sở đào tạo nghề là nhằm tạo ra một không gian phân bố các cơ sở pháp lý để phát triển đào tạo nghề.

Sắp xếp cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, ngoài công lập, bao gồm các trường, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh nâng cao chất lượng, hiệu quả đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người học ở đầu vào, nhu cầu nhân lực của đầu ra phù hợp với thị trường lao động trong tỉnh và thị trường lao động trong nước; đảm bảo nguồn lực triển khai quy hoạch theo lộ trình, phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực của ngành và địa phương.

Ban hành tiêu chuẩn, định mức cho cơ sở đào tạo nghề; tài liệu hướng dẫn quy hoạch phát triển giáo dục; rà soát mạng lưới và đánh giá cơ sở đào tạo nghề theo ngành nghề đào tạo, chất lượng hiệu quả hoạt động, điều kiện về huy động nguồn lực từ xã hội hóa; sáp nhập cơ sở đào tạo nghề công lập và hình thành trường cao đẳng cộng đồng đáp ứng tại chỗ nhu cầu học văn hóa, học nghề cho thanh niên và người lao động ở nông thôn; đề xuất cấp ủy, HĐND, UBND tỉnh phương án bố trí, sắp xếp quy hoạch các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

Các tiêu chí phản ánh

- Quy hoạch mạng lưới ĐTN có tính kịp thời
- Tỷ lệ cơ sở ĐTN nắm được thông tin về quy hoạch và quản lý quy hoạch;

- Tỷ lệ đánh giá cơ sở ĐTN phân bố hợp lý theo quy hoạch
- Tỷ lệ cơ sở ĐTN bị xử lý vì thực hiện sai quy hoạch

1.2.4. Quản lý chương trình đào tạo nghề

Yếu tố là đầu tiên trong việc đảm bảo chất lượng của đào tạo nghề là quản lý chương trình đào tạo đối với các cơ sở đào tạo nghề. Chương trình đào tạo được thiết kế theo yêu cầu mục tiêu đào tạo. Câu hỏi chính khi thiết kế chương trình đó là: Dạy cái gì? Dạy như thế nào? Chương trình phải phản ánh mục tiêu tương ứng. Diễn đạt càng chi tiết, càng thuận lợi cho việc biên soạn giáo trình, bài giảng. Tổ chức quản lý và thực hiện nội dung chương trình đào tạo tại cơ sở đào tạo nghề để tạo ra sản phẩm cuối cùng của việc đào tạo nghề. Công tác quản lý này sẽ được tiếp cận từ mục tiêu, tiến trình, kết quả đầu ra, bằng việc đánh giá.

Tiêu chí đánh giá được thể hiện các nội dung cụ thể sau: Đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp; Thời gian học lý thuyết và thời gian học thực hành, thực tập hợp lý; Bảo đảm tính khoa học, hệ thống, thực tiễn và linh hoạt đáp ứng sự thay đổi của kỹ thuật công nghệ và thị trường lao động; Nội dung chương trình phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ; Bảo đảm tính hiện đại và hội nhập quốc tế, có xu hướng tiếp cận với trình độ đào tạo nghề tiên tiến của khu vực và thế giới.

Các tiêu chí phản ánh

- Mức độ phù hợp của các chương trình độ đào tạo với thực tế
- Mức độ phù hợp Phương pháp đào tạo trong các chương trình đào tạo
- Tỷ lệ cơ sở ĐTN bảo đảm đủ điều kiện về cơ sở vật chất và

trang thiết bị cho chương trình đào tạo nghề

- Tỷ lệ cơ sở ĐTN bảo đảm đủ điều kiện đội ngũ giảng viên

1.2.5. Thanh kiểm tra hoạt động của các cơ sở đào tạo nghề

Nhà nước thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề nhằm ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật về đào tạo nghề, đồng thời bảo vệ lợi ích của người học nghề.

Kiểm tra, giám sát trong đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề là chức năng cuối cùng trong công tác quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề nhưng điều này không đồng nghĩa đây là chức năng thứ yếu mà ngược lại nó lại có chức năng rất quan trọng trong quá trình thực thi công tác quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề.

Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác QLNN về cơ sở đào tạo nghề, được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Có thể nói, công tác thanh, kiểm tra về dạy nghề thời gian qua đã bước đầu đi vào nền nếp, hướng tới thanh, kiểm tra toàn diện việc thực hiện chính sách, pháp luật trong lĩnh vực dạy nghề, kịp thời phát hiện, uốn nắn những sai phạm; hướng dẫn các cơ sở thực hiện đúng các quy định. Thanh tra dạy nghề cũng tiến hành phân cấp mạnh cho địa phương, cơ sở thông qua hoạt động tự kiểm tra, đánh giá, phân công thanh tra viên phụ trách vùng.

Các tiêu chí phản ánh

- Quy trình thanh kiểm tra của cơ quan chức năng hợp lý
- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật
- Năng lực chuyên môn của cán bộ làm công tác thanh tra
- Số lượng các cơ sở đào tạo nghề được thanh tra kiểm tra

trong kế hoạch đầu năm

- Số lượng các cơ sở đào tạo nghề đã được cơ quan chức năng phát hiện vi phạm

1.3 CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ

1.3.1. Điều kiện tự nhiên và tình hình phát triển kinh tế xã hội

- Tốc độ phát triển, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động.
- Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế sẽ kéo theo sự chuyển dịch về cơ cấu lao động, việc làm.
- Sự gia tăng và cơ cấu dân số.

1.3.2. Nguồn lực đầu tư và chất lượng đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý đào tạo nghề và đối tượng học nghề;
- Chương trình, giáo trình đào tạo nghề.
- Trình độ, nhận thức và khả năng tiếp nhận kiến thức của người lao động và người học.
- Thái độ xã hội và nhận thức về chính sách đào tạo nghề.
- Kinh phí và các nguồn lực thực hiện chính sách.
- Chất lượng đầu vào, quá trình đào tạo, thời gian đào tạo, kết cấu thời lượng từng nhóm kiến thức, thời lượng của từng học phần và kết cấu lý thuyết, thực hành, thời gian thực tập về ngành
- Công tác tổ chức quản lý đào tạo.
- Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÁC CƠ SỞ ĐÀO

TẠO NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.1. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI VÀ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của tỉnh Gia Lai

Gia Lai là tỉnh miền núi nằm ở phía Bắc Tây Nguyên với diện tích 15.536,92 km². Dân số toàn tỉnh là 1.417.259 người, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 44,8%, chủ yếu dân tộc tại chỗ Bahnar và Jrai. Toàn tỉnh có 17 đơn vị hành chính gồm 14 huyện, 02 thị xã và 01 thành phố. Phía Bắc Gia Lai giáp tỉnh Kon Tum, phía Nam giáp tỉnh Đăk Lăk, phía Tây giáp Cam-pu-chia với 90 km là đường biên giới quốc gia, phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định và Phú Yên.

2.1.2. Tình hình đào tạo nghề của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh

Từ hoạt động điều tra khảo sát qua điều tra số lượng lao động có nhu cầu học nghề năm 2016 là 16.290 người, trong đó: Trung cấp nghề 120 người, sơ cấp nghề 300 người, đào tạo nghề dưới 3 tháng: 15.870 người. Dự báo nhu cầu đào tạo nghề giai đoạn 2015- 2020: Đào tạo nghề cho 57.000 lao động, trong đó 30.000 đào tạo nghề nông nghiệp, 27.000 người đào tạo nghề phi nông nghiệp. Nhu cầu đào tạo nghề giai đoạn 2016-2020: Đào tạo nghề cho 65.000 lao động, trong đó 29.000 đào tạo nghề nông nghiệp, 36.000 đào tạo nghề phi nông nghiệp.

2.2 THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.2.1. Thực trạng Ban hành và thực thi một hệ thống các

văn bản pháp luật về cơ sở đào tạo nghề

Trong những năm qua, UBND tỉnh Gia Lai đã rất quan tâm chỉ đạo, ban hành nhiều chủ trương, chính sách liên quan đến công tác đào tạo nghề ở tỉnh.

Hệ thống các văn bản pháp luật về đào tạo nghề tỉnh đã ban hành tương đối đầy đủ, đồng bộ để làm căn cứ pháp lý cho công tác quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Bảng 2.3. Tình hình thực hiện ban hành và phổ biến các văn bản quy phạm trong QLNN về CSĐTĐN tỉnh Gia Lai

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020
Số lượng văn bản ban hành (văn bản)	52	54	45	57	56
Số lần tuyên truyền phổ biến cho cơ sở (lần)	15	21	25	14	18
Thời gian các cơ sở nhận được văn bản (ngày)	2.5	1.5	1.5	1	0.5
Tỷ lệ các cơ sở biết được văn bản (%)	60	75	80	85	95

(Nguồn: UBND Tỉnh Gia Lai)

Theo bảng 2.3, số văn bản ban hành năm 2016 là 52 văn bản, năm 2017 là 54 văn bản, năm 2018 là 45 văn bản, năm 2019 là 57 văn bản, năm 2020 là 56 văn bản.

Việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến văn bản được cơ quan chức năng thực hiện thường xuyên qua từng năm, năm 2016 là 15 lần, năm 2017 là 21 lần, năm 2018 là 25 lần, năm 2019 là 14 lần,

năm 2020 là 18 lần bằng cách đăng website, các phương tiện thông tin như đăng báo, xuống gửi trực tiếp tới các cơ sở đào tạo nghề qua bưu điện, hoặc sử dụng văn thư của cơ quan. Thời gian qua các cơ sở đào tạo nghề nhận được văn bản được rút ngắn đáng kể, từ 2.5 ngày năm 2016 giảm dần còn 0.5 ngày năm 2020 do hiện nay các cơ quan QLNN về đào tạo nghề đang áp dụng hệ thống công nghệ thông tin điện tử để thực hiện công bố văn bản, vấn đề còn lại phụ thuộc vào mức cập nhật của các cơ sở đào tạo nghề.

2.2.2. Tình hình tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề

Bộ Lao động Thương binh và Xã hội là cơ quan của Trung ương tham mưu cho Chính phủ trong công tác chỉ đạo điều hành và được giao chức năng quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề, có nhiệm vụ tham mưu, xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát cũng như tổ chức, điều hành các hoạt động đối với các cơ sở đào tạo nghề.

Sở Nội vụ, Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Gia Lai trong thời gian vừa qua dưới sự hướng dẫn trực tiếp về chuyên môn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản điều hành, quy phạm pháp luật, các chương trình, kế hoạch... để thực hiện công tác quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh.

Bảng 2.4 Danh sách các Trường, cơ sở đào tạo nghề tỉnh Gia Lai

Tổ chức của bộ máy quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề cơ bản đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh hầu hết ở các huyện đều có cơ sở đào tạo nghề; thực hiện tiếp tục công tác sắp xếp cơ sở đào tạo và kiện toàn bộ máy quản lý đào tạo nghề cấp tỉnh, cấp huyện; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ

quản lý và giáo viên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2.2.3. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch mạng lưới cơ sở đào tạo nghề

Quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề được rà soát, bổ sung trong đó chú trọng phát triển các cơ sở đào tạo nghề cho lao động nông thôn (cơ sở đào tạo nghề công lập, tư thục, cơ sở đào tạo nghề tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, các công ty, vùng chuyên canh, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các cơ sở đào tạo nghề tiểu thủ công mỹ nghệ) theo nghề và cấp trình độ đào tạo đến năm 2020.

Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề tỉnh Gia Lai phát triển đa dạng các hình thức đào tạo nghề tạo điều kiện cho người lao động, thanh niên, nông dân, người dân tộc thiểu số học nghề.

Bảng 2.5. Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Các cơ sở dạy nghề đổi mới mạnh mẽ và phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo nghề cho lao động theo yêu cầu của thị trường lao động, thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới để phù hợp với yêu cầu công việc trên địa bàn.

2.2.4. Công tác quản lý chương trình đào tạo nghề

Trong thời gian qua Phòng Dạy nghề, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trên cơ sở khung trình độ quốc gia trực tiếp là các cơ sở đào tạo nghề cũng tập trung cải tiến, đổi mới chương trình đào tạo của mình theo hướng phát triển của các ngành kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Đó cũng có những chuyển biến tích cực, chất lượng chương trình đào tạo được nâng cao, dần theo kịp với sự chuyển đổi của ngành kinh tế.

Bảng 2.6. Đánh giá về xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch về ĐTN của các cơ sở đào tạo nghề

Các cơ sở dạy nghề đổi mới mạnh mẽ và phát triển chương trình, giáo trình, tài liệu đào tạo nghề cho lao động theo yêu cầu của thị trường lao động, thường xuyên cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới để phù hợp với yêu cầu công việc trên địa bàn. Số liệu khảo sát đánh giá về chương trình đào tạo của người dân tham gia đào tạo theo khảo sát trên Bảng 2.6. Năm 2019 tỷ lệ đánh giá là 88.5% và năm 2020 là 90%, tỷ lệ này tăng thêm 1.5 %. Tương tự tỷ lệ đánh giá Phương pháp đào tạo trong các chương trình đào tạo năm 2019 tỷ lệ này là 70.5% và năm 2020 đã tăng lên 78.5% tăng 8%. Rõ ràng điều này được cải thiện dần.

Chất lượng đào tạo nghề phụ thuộc vào chất lượng đội ngũ giảng viên của các cơ sở đào tạo. Theo đánh giá qua khảo sát của cơ quan QLNN về đào tạo nghề cho thấy, tỷ lệ cơ sở ĐTN bảo đảm đủ điều kiện đội ngũ giảng viên năm 2019 là 65.5% và năm 2020 70.5%, tăng 5%.

Đầu tư cho cơ sở vật chất trang thiết bị đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề là tương đối lớn.

Về cơ bản các điều kiện phục vụ cho ĐTN của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn đã được cải thiện nhất định.

2.2.5. Thực trạng công tác Thanh kiểm tra các hoạt động các cơ sở đào tạo nghề

Tổ chức hệ thống thanh tra dạy nghề đã được hình thành từ Trung ương tới các Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. Hàng năm, Thanh tra của Sở đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 5-10 cơ sở dạy nghề tại các địa phương.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phát hiện những bất cập

của cơ chế chính sách để kiến nghị với nhà nước sửa đổi cho phù hợp. Nhà nước giải quyết các khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội hàng năm có chức năng kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra việc kiểm tra, giám sát còn thông qua báo cáo từ các cơ quan quản lý như Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện còn trực tiếp tổ chức nhiều đợt kiểm tra định kỳ theo quý, theo tháng và đột xuất đối với các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn.

Bảng 2.7. Đánh giá về công tác Thanh kiểm tra hoạt động cơ sở đào tạo nghề

Đối với công tác chỉ đạo, tổ chức kiểm tra đánh giá việc thực hiện công tác này còn hạn chế. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh đã tổ chức trên 12 cuộc kiểm tra năm 2019 và 15 đợt năm 2020. Tổng số cơ sở bị xử lý vi phạm về quy định QLNN về đào tạo nghề năm 2019 là 7 và 2020 đã giảm 5 cơ sở (Bảng 2.7).

Kiểm tra, giám sát trong đào tạo nghề tại các cơ sở đào tạo nghề là chức năng cuối cùng trong công tác quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề nhưng điều này không đồng nghĩa đây là chức năng thứ yếu mà ngược lại nó lại có chức năng rất quan trọng trong quá trình thực thi công tác quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

2.3.1. Những kết quả đạt được trong công tác quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề

Thứ nhất: Ban hành và thực thi một hệ thống các văn bản pháp

luật về các cơ sở đào tạo nghề, hệ thống luật pháp, chính sách về đào tạo nghề và quản lý cơ sở đào tạo nghề đã tạo hành lang pháp lý cho hệ thống đào tạo nghề của tỉnh phát triển. Nhiều văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành. Cơ chế, chính sách về các hoạt động đầu tư phát triển dạy nghề cũng ngày càng chặt chẽ.

Thứ hai: Bộ máy tổ chức và cán bộ quản lý Nhà nước về đào tạo nghề đã từng bước được kiện toàn. Công tác QLNN về đào tạo nghề các cấp đã được chú trọng thông qua các chức năng được quy định. Việc xây dựng đội ngũ giáo viên cả về số lượng và chất lượng được quan tâm. Thực hiện các biện pháp thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển đào tạo nghề. Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp của tỉnh có quy mô hợp lý, đảm bảo cho việc thực thi chức năng nhiệm vụ.

Thứ ba: Thực hiện mục tiêu cơ bản của quản lý Nhà nước về phát triển đào tạo nghề ở Gia Lai. Mạng lưới cơ sở dạy nghề phát triển nhanh; đa dạng về hình thức sở hữu và loại hình đào tạo; xã hội hoá dạy nghề đã có bước chuyển rõ rệt. Nhờ đó, quy mô và chất lượng dạy nghề được nâng lên, từng bước đáp ứng được nhu cầu của các doanh nghiệp và xã hội. Việc xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch nhằm phát triển giáo dục nghề nghiệp của tỉnh được thực hiện theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan.

Thứ tư: Việc xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện các chiến lược, chương trình, kế hoạch nhằm phát triển giáo dục nghề nghiệp của tỉnh được thực hiện theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan. Qua đó đã góp phần tăng cường nâng cao hiệu quả công tác quản lý đối với các cấp, các ngành và toàn xã hội; tập trung, phân bổ các nguồn lực nhằm

thúc đẩy lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn phát triển. Chương trình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa dạng về ngành nghề ở nhiều lĩnh vực, chất lượng nội dung đang được cải tiến, đổi mới để nâng cao chất lượng đào tạo cũng như dần theo kịp với sự chuyển đổi của các ngành kinh tế trên địa bàn.

Thứ năm: Công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực dạy nghề đã được kiện toàn về tổ chức và cán bộ, đổi mới hoạt động. Công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn được tăng cường hơn so với trước đây. Số cuộc kiểm tra, tần suất kiểm ra tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tăng dần qua các năm. Thông qua các cuộc kiểm tra các cơ quan chức năng đã kịp thời phát hiện, hướng dẫn, chấn chỉnh, xử lý nhiều cơ sở giáo dục nghề nghiệp sai phạm cũng như thu hồi, hoàn trả lại cho ngân sách nhà nước.

2.3.2. Những tồn tại hạn chế trong công tác quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề

Thứ nhất, chính sách, pháp luật về quản lý Nhà nước về đào tạo nghề còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa tạo ra sự chuyển biến căn bản.

Thứ hai, về bộ máy tổ chức, cán bộ quản lý Nhà nước đào tạo nghề thiếu ổn định, thiếu lực lượng.

Thứ ba, mạng lưới cơ sở đào tạo nghề của tỉnh tuy nhiều về số lượng nhưng chưa hợp lý về cơ cấu và còn yếu về chất lượng cũng như ngành nghề đào tạo.

Thứ tư, về xây dựng chiến lược định hướng và quy hoạch, kế hoạch phát triển đào tạo nghề chưa đồng bộ.

Thứ năm, công tác thanh, kiểm tra trong lĩnh vực dạy nghề chưa đáp ứng được nhu cầu, đội ngũ thanh tra về dạy nghề còn khá

mỏng và chưa được quan tâm đúng mức, nhất là ở cấp tỉnh, huyện.

2.3.3. Nguyên nhân dẫn đến tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan: Về chủ trương, chính sách.

- Nguyên nhân chủ quan:

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên dạy nghề so với yêu cầu thực tế vẫn còn thiếu và một số chưa đạt trình độ chuẩn theo quy định.

Mạng lưới cơ sở đào tạo nghề tuy đã phát triển về số lượng nhưng quy mô nhỏ, chất lượng đào tạo chưa cao;

Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên giáo dục nghề nghiệp chưa thật sự hấp dẫn.

Nhiều cơ sở ĐTN trên địa bàn hiện nay vẫn chưa chú trọng, chủ động đến việc đầu tư chuyển đổi, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Công tác kiểm tra, giám sát trong giáo dục nghề nghiệp còn nhiều hạn chế.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

3.1 CĂN CỨ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2020

Hoạt động quản lý nhà nước đối với các cơ sở đào tạo nghề nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở để đảm bảo ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, giảm tỉ lệ số người thất nghiệp, thiếu việc làm; tăng cường xuất khẩu lao động và phát triển thị trường lao động có thu nhập cao và ổn định; giải quyết việc làm

gắn với phát triển kinh tế xã hội góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong ngành công nghiệp xây dựng và thương mại dịch vụ, giảm tỷ trọng lao động trong ngành nông lâm nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Các nguyên tắc khi xây dựng giải pháp

- Phát triển các cơ sở đào tạo nghề phải phù hợp, đồng bộ với các chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước, địa phương và các ngành.

- Đảm bảo tính kế thừa và phát triển.

- Đảm bảo tính khả thi.

- Đảm bảo tính thực tiễn. Có nhiều cơ chế, chính sách thu hút, phát huy tối đa nguồn lực đẩy mạnh xã hội hóa các cơ sở đào tạo nghề.

Tỉnh cần mạnh dạn tăng cường bổ sung thêm các chức năng, nhiệm vụ đối với các cấp, các ngành để tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý các cơ sở đào tạo nghề.

Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề, cơ sở vật chất thiết bị dạy nghề trong các cơ sở đào tạo nghề.

3.2. GIẢI PHÁP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÁC CƠ SỞ ĐÀO TẠO NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

3.2.1. Hoàn thiện việc ban hành và thực thi một hệ thống các văn bản pháp luật về cơ sở đào tạo nghề

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về phát triển các cơ sở dạy nghề.

Đổi mới công tác quản lý các cơ sở dạy nghề. Nâng cao năng lực dự báo của các cơ quan quản lý về dạy nghề để hoàn thiện công

tác quy hoạch và lập kế hoạch, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lý.

- Nâng cao nhận thức của xã hội về vị trí, vai trò của các cơ sở dạy nghề đối với sự nghiệp phát triển KT - XH, từ đó nâng cao trách nhiệm của xã hội đối với việc phát triển các cơ sở dạy nghề.

- Xây dựng hệ thống chính sách dạy nghề tương đối đồng bộ như: xã hội hoá dạy nghề; chính sách đối với giáo viên, học sinh học nghề

3.2.2. Hoàn thiện Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các cơ sở đào tạo nghề

Làm tốt công tác quy hoạch hệ thống các cơ sở đào tạo nghề.

Từng bước thực hiện việc bỏ cơ chế cơ quan chủ quản đối với cơ sở đào tạo nghề công lập thuộc địa phương quản lý.

Tăng cường công tác lập quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở đào tạo nghề nhằm gắn nhiệm vụ đào tạo nhân lực kỹ thuật với kế hoạch phát triển KT - XH của tỉnh, của từng huyện, thành, thị trong tỉnh.

- Xây dựng hệ thống cơ sở đào tạo nghề theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hóa để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

- Tăng cường công tác rà soát, đánh giá năng lực dạy nghề của các CSĐTNN nhằm kiểm tra nhiệm vụ đào tạo nhân lực kỹ thuật gắn với nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực quan đạo tạo trong kế hoạch phát triển KT - XH của tỉnh, của 17 huyện, thành, thị.

- Nâng cấp cơ sở dạy nghề hiện có, điều chỉnh cơ cấu mạng lưới các cơ sở dạy nghề trên cơ sở nhu cầu thực tế của địa phương.

- Lựa chọn danh mục thiết bị dạy nghề chuẩn cho từng nghề, phù hợp với thực tế, nhu cầu đào tạo để đầu tư.

- Lập kế hoạch về đầu tư cho cơ sở vật chất và trang thiết bị.

- Huy động sự tham gia của các thành phần xã hội vào hoạt động đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề.

- Nâng cao chất lượng quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Đánh giá thực trạng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học của các CSĐTĐN so với yêu cầu thực tế sản xuất.

3.2.3. Tăng cường Quản lý chương trình đào tạo tại các cơ sở ĐTN

- Đánh giá mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo hiện hành.

- Xây dựng các tiêu chí cụ thể liên quan đến nội dung, chương trình đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh nội dung, chương trình đào tạo phù hợp với NCXH.

- Huy động sự tham gia tích cực của CSSDNL vào quá trình xây dựng, đổi mới chương trình đào tạo để đào tạo thực sự gắn với sản xuất.

- Tỉnh Gia Lai cần khuyến khích việc xây dựng và phát triển mô hình các cơ sở đào tạo nghề tại doanh nghiệp.

3.2.4. Hoàn thiện Công tác quản lý chương trình đào tạo nghề

Tỉnh cần rà soát, điều chỉnh xây dựng lại chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của xã hội và thị trường lao động.

Các cơ sở GDNN được quyền tự chủ xác định chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm trên cơ sở số lượng, chất lượng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo.

Xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học nghề có năng lực thực hành trọn vẹn một công việc của một nghề.

Phối hợp với các doanh nghiệp và các cơ sở đào tạo nghề trên

địa bàn thay đổi các phương pháp giảng dạy tránh sự nhàm chán cho người học.

Thường xuyên tổ chức nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong đào tạo nghề, áp dụng các sáng kiến kinh nghiệm tiên tiến trong các ngành học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

Thực hiện áp dụng chính sách ưu đãi về đất đai, hạ tầng, thuế, tín dụng, cho vay vốn để người lao động học nghề.

Tiếp tục thực hiện đề án 1956 về ĐTN cho thanh niên nông thôn.

Tiếp tục đào tạo nghề theo các chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư.

Rà soát sắp xếp lại các cơ sở đào tạo nghề, xây dựng mới, đầu tư cơ sở vật chất, chương trình đào tạo cho các ngành nghề cần đào tạo tập trung vào các ngành mũi nhọn trọng điểm của từng địa phương.

Xây dựng chương trình đào tạo nghề. Mục tiêu đặt ra là vừa đáp ứng yêu cầu hiện đại, vừa chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho những năm tiếp theo.

3.2.5. Tăng cường công tác Thanh kiểm tra các hoạt động của các cơ sở đào tạo nghề

Tăng cường công tác thanh kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy phạm pháp luật tại các cơ sở đào tạo nghề;

Hàng năm rà soát, xác định danh sách các cơ sở đào tạo nghề, cần phải kiểm định chất lượng đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước..

Thanh tra các vụ việc đột xuất và vấn đề liên quan đến công tác dạy nghề. Xác minh, kết luận và kiến nghị biện pháp giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về lĩnh vực dạy nghề.

3.2.6. Các giải pháp khác

Xây dựng quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa CSDN và cơ sở sử dụng lao động (gọi tắt là doanh nghiệp). Mở rộng hợp tác quốc tế với một số nước thông qua các hoạt động hội nghị, hội thảo quốc tế, tham quan, học tập kinh nghiệm về phát triển cơ sở đào tạo nghề.

Xã hội hoá công tác đào tạo nghề nhằm lôi cuốn, cổ vũ mọi thành phần trong xã hội tích cực tham gia các hoạt động dạy nghề, mở rộng cơ hội học nghề, thu hút và phát huy các nguồn lực của xã hội vào sự nghiệp phát triển doanh nghiệp

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Công tác quản lý Nhà nước về đào tạo nghề ở Gia Lai thời gian qua có nhiều thành tựu. Kết quả nổi bật nhất là hệ thống cơ sở đào tạo nghề rộng khắp và đa dạng, xã hội hóa ĐTN đã có chuyển biến rõ rệt. Nhờ đó quy mô và chất lượng đào tạo nghề được nâng lên, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp và xã hội.

2. KIẾN NGHỊ

Hoàn thiện cơ chế phối hợp cụ thể giữa các tổ chức, cơ quan QLNN, bộ máy quản lý các cơ sở đào tạo nghề.

Các cơ sở đào tạo nghề cần có sự linh hoạt và thường xuyên theo dõi, điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế, chủ động phát huy, khai thác những lợi thế sẵn có; tranh thủ các nguồn lực để phát triển.

Đề xuất nghiên cứu ban hành chính sách quản lý các cơ sở đào tạo nghề thống nhất từ trung ương tới địa phương

Có chính sách đặc thù đối với giáo viên, giảng viên làm công tác dạy nghề với nghệ nhân, người có kinh nghiệm...